TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc và ông Đặng Văn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa nguyên đơn xin vắng mặt tuy nhiên tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu P trình bày:

Bà P và ông Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND xã Q, tỉnh Quảng Ninh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2017 ngày 26/7/2017.

Bà và ông V chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách ngày càng khác biệt nên thường xuyên gây gổ, cãi vã lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Hiện nay ông, bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn nên bà Phương C ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 06/09/2017 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 07/09/2021. Bà P yêu cầu ông V nuôi dưỡng hai con và bà cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (hai con là 3.000.000 đồng).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn xin vắng mặt tuy nhiên trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông V và bà Nguyễn Thị Thu P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND xã Q, tỉnh Quảng Ninh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2017 ngày 26/7/2017.

Ông và bà P chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách ngày càng khác biệt nên thường xuyên gây gổ, cãi vã lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Hiện nay ông, bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn nên bà Phương C ly hôn với ông V thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 06/09/2017 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 07/09/2021. Ông V đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng hai con và ông V đồng ý bà P cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (hai con là 3.000.000 đồng).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt nên việc Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

Yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu P là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu P về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn V; về con chung giao cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn

Anh T, sinh ngày 06/09/2017 và cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 07/09/2021. Bà P cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng (hai con là 3.000.000 đồng/tháng). Về nợ chung các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng nên không xem xét giải quyết. Bà P phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Bà Nguyễn Thị Thu P yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn V và yêu cầu ông V nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Bị đơn là ông Nguyễn Văn V có nơi cư trú địa chỉ: số C, ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai.

1.3. Bà P, ông V đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Bà P, ông V tự nguyện chung sống với nhau, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Ông V, bà P đều thừa nhận hiện nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Bà P yêu cầu ly hôn với ông V thì ông V cũng đồng ý. Xét thấy hôn nhân của ông V, bà P không có sự yêu thương, tôn trọng; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà P đối với ông V được chấp nhận.

2.3. Về con chung: Bà P yêu cầu ông V trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 06/9/2017 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 07/9/2021 thì ông V đồng ý nuôi dưỡng hai con, đồng thời hiện nay hai con đang sống chung với ông V, ông V làm kinh doanh tự do có thu nhập mỗi tháng trung bình 40.000.000 đồng, ông có nơi ở ổn định nên ông đảm bảo việc nuôi dưỡng tốt hai con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P về việc giao hai con chung cho ông V nuôi dưỡng.

Bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi là 1.500.000 đồng/tháng (hai con là 3.000.000 đồng/ tháng). Ông V đồng ý mức cấp dưỡng này nên Hội đồng xét xử

chấp nhận việc cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng (hai con là 3.000.000 đồng/ tháng) của bà P, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu T, cháu Q đủ 18 tuổi.

2.4. Về nợ chung và tài sản chung: Ông V, bà P khai không có nợ chung, không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của ông V, bà P trong vụ án này.

[3]. Về án phí ly hôn: Bà P khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp là 300.000 đồng. Buộc bà P tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 119, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu P đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu P được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 06/09/2017 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 07/09/2021 cho ông Nguyễn Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Bà P cấp dưỡng nuôi con mỗi là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng, hai con là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con từ ngày 28/8/2025 đến khi cháu T, cháu Quốc thành N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của bà Nguyễn Thị Thu P.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0001649 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Buộc bà P tiếp tục nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 3- Đồng Nai;
- UBND xã Quảng La, tỉnh Quảng Ninh.
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Tâm